

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2019/HSPT

Ngày: 20-6-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Thuần

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Trịnh Văn Toàn

2. Ông Nguyễn Văn Chung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên

Ngày 20-6-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 154/2019/TLPT-HS ngày 07/5/2019 đối với bị cáo Trần Văn N, về tội “*Buôn bán hành cấm*”. Do bị cáo Trần Văn N kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 66/2019/HSST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **TRẦN VĂN N**, sinh năm 1988, tại tỉnh Quảng Nam;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;  
Nơi cư trú: Đường L, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần H và con bà Trần Thị TH; Bị cáo có vợ là Phan Thị Thí N1 và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/9/2018, đến ngày 23/01/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp cho gia đình bảo lãnh, hiện bị cáo đang được tại ngoại – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn N là lái xe khách tuyến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – huyện Đ, tỉnh Gia Lai và ngược lại. Ngày 12/9/2018, N điều khiển xe ô tô khách biển số 81C – 012.xx cùng anh Nguyễn Huy TR, trú tại: Liên gia X, tổ dân phố Z, phường K, thành phố B (Là phụ xe) vận chuyển hành khách đi từ Bến xe phía Bắc, thành phố B đến Bến xe huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Sau khi trả hết khách tại Bến xe huyện Đ, tỉnh Gia Lai, N nói anh TR ngồi quán cà phê ven đường thuộc xã I, huyện Đ liên lạc với khách đã đặt xe đi tuyến Đ – thành phố B rồi một mình điều khiển xe ô tô đến Cửa khẩu L, huyện Đ với mục đích mua thuốc lá điều nhập lậu vận chuyển về thành phố B bán kiếm lời. Khi đi đến khu vực Chợ Cửa khẩu, N gặp đối tượng nam giới (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) và hỏi mua 3.500 bao thuốc lá điều hiệu Jet nhập lậu với giá 57.750.000đ thì đối tượng trên đồng ý. Sau đó, đối tượng trên dẫn N đến một khu rừng (Không rõ địa điểm) để lấy thuốc lá. Tại đây, một đối tượng nam giới (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) và đối tượng bán thuốc lá cho N bốc thuốc lá lên xe cho N. Quá trình, N cất giấu thuốc lá trong hòm để hàng phía sau thùng xe ô tô thì bị rơi mất 01 cây thuốc lá (Tương đương 10 bao) nên chỉ còn lại 3.490 bao. Sau khi mua được thuốc lá, N điều khiển xe ô tô biển số 81C – 012.xx quay lại huyện Đ để đón anh TR và hành khách để chở về thành phố B. Khi đi đến ngã ba H, huyện CH, tỉnh Gia Lai, thì có khách (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) gửi 01 thùng hàng trái cây để vận chuyển về thành phố B thì N đồng ý. Khoảng 16h00’ ngày 12/9/2018, Khi N đang dừng xe chờ giao hàng tại ngã 3 đường TH và đường 30-4, phường T, thành phố B thì bị Công an thành phố B kiểm tra phát hiện, bắt quả tang và thu giữ: 359 cây thuốc lá điều ngoại nhập hiệu Jet, trong đó có 349 cây thuốc lá cất giấu ở hòm để hàng phía sau đuôi xe và 10 cây thuốc lá cất giấu trong thùng hàng để trên xe, đã niêm phong theo quy định.

Ngày 14/9/2018, Cơ quan điều tra thành phố B, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phối hợp với Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk tiến hành xác định nguồn gốc toàn bộ thuốc lá điều hiệu Jet đã thu giữ trên xe ô tô biển số 81C – 012.xx, xác định: Nguồn gốc 359 cây thuốc lá điều hiệu Jet, mỗi cây có 10 bao thuốc lá điều, (Tương đương 3.590 bao thuốc lá điều) đã tạm giữ, có bao bì in chữ nước ngoài sản xuất, không có tem phụ bằng Tiếng Việt, không có tem nhập khẩu nên không xác định được nước sản xuất. Toàn bộ 3.590 bao thuốc lá điều hiệu Jet này là hàng hóa Nhà nước cấm kinh doanh.

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2019/HSST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn N** 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2018 đến ngày 23/01/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/4/2019, bị cáo Trần Văn N kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B xét xử bị cáo Trần Văn N về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm e khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Xét mức hình phạt 05 (Năm) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo là bị cáo Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bị đau dạ dày và bị cáo cam kết ngay sau khi sức khỏe ổn sẽ tuân thủ. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại đến việc xét xử và Hội đồng xét xử không ra bản án không có lợi cho bị cáo. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm bị cáo Trần Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án là thực tế, khách quan. Như vậy, đã có đủ

cơ sở để kết luận: Vào ngày 12/9/2018 bị cáo Trần Văn N điều khiển xe ô tô khách biển số 81C-012.xx đi đến cửa khẩu L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để mua 3.500 thuốc lá điều hiệu Jet ngoại nhập lậu để bán kiếm lời, đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 12/9/2018, khi bị cáo đang dừng xe chờ giao hàng tại ngã ba đường Nguyễn Chí TH và đường 30-4, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang và thu giữ 359 cây thuốc lá điều ngoại hiệu Jet. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn N về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm e khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù tính chất mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong việc buôn bán những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh, song quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bà ngoại là Nguyễn Thị V có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân người phạm tội; nhận thấy cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 05 năm tù là thỏa đáng. Do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy cần bác toàn bộ kháng cáo của bị cáo - giữ nguyên bản án sơ hình sự thẩm số 66/2019/HSST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Trần Văn N, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N – Giữ nguyên bản án sơ hình sự thẩm số 66/2019/HSST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 05 (Năm) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2018 đến ngày 23/01/2019.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. B;
- VKSND Tp. B;
- Công an Tp. Bt;
- Chi cục THADS Tp. B;
- T.H.AHS Công an Tp. B;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Duy Thuận**